

Phẩm Thứ 7: NHƯ LAI TẠNG

Luận chép: Chân và Tục không hai, pháp của Nhất thật là chỗ trở về của chư Phật gọi là Như-lai-tạng. Nay trong phẩm này nói về vô lượng pháp và tất cả hạnh chẳng có gì không quy về nhập vào Như-lai-tạng, vì thế dựa vào sự hội nhập để lập thành tên gọi.

Kinh: “Nhĩ thời Phạm Hạnh trưởng giả từng bốn tế khởi nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Sanh nghĩa bất diệt, diệt nghĩa bất sanh, như thị như nghĩa, tức Phật Bồ-đề, Bồ-đề chi tánh tức vô phân biệt, vô phân biệt trí phân biệt vô cùng, vô cùng chi tướng duy phân biệt diệt, như thị nghĩa tướng không thể nghĩ bàn, bất tư nghị trung nãi vô phân biệt”. Lúc bấy giờ trưởng giả Phạm Hạnh đứng dậy khởi chỗ ngồi mà bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Nghĩa sanh không diệt mất, nghĩa diệt bất sanh ra, nghĩa Như như vậy, tức là Bồ-đề Phật quả, tánh của Bồ-đề thì không có phân biệt, trí không có phân biệt - phân biệt vô cùng tận, tướng của vô cùng tận chỉ là phân biệt diệt đi, nghĩa - tướng như vậy không thể nghĩ bàn, trong không thể nghĩ bàn chính là không có phân biệt.

Luận chép: Trong phần nói riêng về Quán hành có sáu phần, nói lên tất cả hạnh phát ra chân tánh Không ở trước đã xong. Dưới đây là phần thứ sáu nói về vô lượng pháp nhập vào Như-lai-tạng, ngay nơi văn có hai: 1. Nói về các pháp các hạnh cùng nhập vào một nơi. 2. Hiển bày Hạnh - nhập, trí nhập sai khác về nhân quả. Trong phần đầu cũng có hai: Trước là nói về các pháp nhập vào một thật nghĩa, sau là nói về các hạnh nhập vào một Phật đạo. Trong phần trước có bốn: 1. Hỏi; 1. Trả lời; 3. Lĩnh ngộ; 4. Nói rõ. Trong phần hỏi có hai: Trước là lĩnh ngộ điều giảng nói trước đây, sau là hỏi về những điều nghi ngờ. Trong này người hỏi tên là Phạm Hạnh: Hình dạng người này tuy là nghi dung phạm tục, mà tâm an trụ nhất vị, dùng nhất vị này thâm nhiếp tất cả vị, tuy trải qua trần tục cấu bẩn của các vị, nhưng không mất đi tịnh hạnh thanh tịnh của một vị. Trong này hiển bày nghĩa như vậy, cho nên khiến phát ra câu hỏi đó. Từ bốn tế khởi: Nghe những điều Đức Phật giảng nói lập tức nhập vào ranh giới của mình (bốn tế), nay muốn phát ra câu hỏi nên từ chỗ ấy đứng dậy. Nghĩa sanh không diệt: Là lĩnh ngộ nửa dưới, vì nghĩa này sanh ra chẳng phải diệt mất. Nghĩa diệt bất sanh ra: Là lĩnh ngộ nửa trên, vì nghĩa này diệt đi chẳng phải sanh ra. “Nghĩa Như như vậy”: Lĩnh ngộ chung toàn bài kệ, vì bất diệt bất sanh không có hai nghĩa. Như vậy không có hai nghĩa là đạo lý chư Phật đã giác ngộ cho nên chép: “Tức là Phật Bồ-đề”. Giác ngộ thuận theo không có hai là

không chia ra - không khác nhau cho nên nói “Tức là vô phân biệt”. Do không có sự phân biệt đó mà năng không có gì không thể phân biệt, cho nên nói là vô phân biệt trí phân biệt vô cùng. Sở dĩ phân biệt vô cùng là vì chỉ do diệt trừ các phân biệt, cho nên nói tướng vô cùng chỉ là diệt đi phân biệt. Nghĩa - tướng như vậy xa lìa ngôn ngữ bật dứt suy tư nên Bất tư nghị. Vì trong Bất tư nghị bật dứt tâm tư ngôn ngữ, chính là không có phân biệt. Như vậy lĩnh ngộ nghĩa lý bài kệ đã nói ở trước.

Kinh: “Tôn giả! Nhất thiết pháp số vô lượng vô biên, vô biên pháp tướng nhất thật nghĩa tánh, duy trụ nhất tánh kỳ sự vân hà?”. Thừa Tôn giả! Tất cả pháp số nhiều vô lượng vô biên, vô biên pháp tướng một tánh Thật nghĩa, chỉ trụ vào một tánh - sự việc đó như thế nào?

Luận chép: Đây chính là thức hỏi về những điều nghi ngờ. Giáo Tiểu thừa có tám muôn pháp uẩn, số lượng của một uẩn kể ra là một ngàn. Nay Đại thừa giáo không chỉ là tám muôn cho nên nói số nhiều vô lượng vô biên. Vô biên giáo pháp đã giải thích nghĩa tướng lại không khác nhau, hướng về chỉ một Thật nghĩa. Giáo pháp rất nhiều chỉ trụ vào một tánh rất khó có thể hiểu được việc đó thế nào?

Kinh: “Phật ngôn: Trưởng giả! Bất khả tư nghị, ngã nói chư pháp, vi mê giả cố, phương tiện đạo cố, nhất thiết pháp tướng nhất thật nghĩa trí, hà dĩ cố? Thí như nhất thị khai tứ đại môn, thị tứ môn trung giai quy nhất thị, như bỉ chúng thứ tùy ý sở nhập, chủng chủng pháp vi diệc phục như thị”. Đức Phật nói: Nay Trưởng giả! Không thể nghĩ bàn, Ta nói các pháp là vì người mê, vì vậy là đạo phương tiện, vì tất cả pháp tướng đồng một trí thật nghĩa, tại vì sao? Vì thí như một ngôi thành mở ra bốn cổng lớn, trong bốn cổng này đều quy về một ngôi thành, như nhiều người kia tùy ý nhập vào, các thứ pháp vị cũng giống như thế.

Luận chép: Đây là phần thứ hai trả lời. Trong đó có ba: Là pháp - Dụ - Hợp. Đầu tiên là pháp - nói rằng “Ta nói các pháp”. Nghĩa là ba thừa giáo và một thừa giáo. Vì người mê muội: Là vì người chưa đạt được nhất vị ấy nói ra. Vì Phương tiện đạo: Do đều là phương tiện nhập vào một vị, cho nên lúc nhập vào Chánh quán không cần đến ngôn giáo. Nhất thiết pháp tướng nhất thật nghĩa trí: Vì tướng nhập vào của các giác pháp chỉ là trí Chánh quán về một Thật nghĩa. Trong Dụ nói một thành thị: Là dụ cho một thật nghĩa. “Mở ra bốn cổng”: Là dụ cho bốn thứ pháp, đó là ba thừa giáo và một thừa giáo. Trong bốn cổng này đều quy về một chợ: Vì dựa vào bốn giáo ấy đều trở về một thật. Như dân chúng tùy ý nhập vào: Là tùy theo căn cạy - sâu thuận theo nhập vào một giáo. Vì lẽ đó một ngôi thành dụ cho một thật, làm nơi nhập

vào cửa nhân dân, là nơi quay về của các chúng sanh. Trong Hợp nói chung chung pháp: Là hợp với bốn cõi. Kế là nói vị: Nghĩa là vị vốn hướng về hợp với một thành thị.

Kinh: “Phạm Hạnh trưởng giả ngôn: Pháp nhược như thị ngã trụ nhất vị ứng nhiếp nhất thiết chư vị”. Phạm Hạnh trưởng giả chép: Pháp nếu như vậy thì con trụ vào một vị sẽ thâm nhiếp tất cả các vị.

Luận chép: Đây là phần thứ ba lĩnh ngộ hiểu rõ. Nhiếp các vị: Là thâm nhiếp vị của các giáo quy về một thật.

Kinh: “Phật ngôn: Như thị như thị! Hà dĩ cố? Nhất vị thật nghĩa, vị như nhất đại hải, nhất thiết chúng lưu vi hữu bất nhập. Trưởng giả! Nhất thiết pháp vị do bỉ chúng lưu, danh số tuy thù kỳ thủy bất dị, nhược trụ địa hải tức quát chúng lưu, trụ ư nhất vị tức nhiếp chư vị”. Đức Phật nói: Đúng vậy, đúng vậy! Vì sao? Vì một vị thật nghĩa, vị giống như một biển lớn, tất cả các dòng sông không có dòng sông nào không thể hội nhập. Nay Trưởng giả! Tất cả pháp vị giống như các dòng sông kia, danh số tuy khác nhau mà nước đó không khác. Nếu trụ vào biển lớn tức là bao gồm các dòng sông, trụ vào một vị chính là thâm nhiếp các vị.

Luận chép: Đây là phần thứ tư nói về thành tựu. Trong đó có hai: Nói chung về - riêng thành tựu. Trong phần riêng có ba: Đó là Pháp - Dự - Hợp. Trong Hợp có hai: 1. Hợp cùng các dòng sông kia trước dùng pháp kết hợp - sau thì trích lại thí dụ. 2. Kết hợp bao gồm các dòng sông, trước đưa ra thí dụ đó - sau dùng pháp hợp lại.

Kinh: “Phạm Hạnh trưởng giả ngôn: Chư pháp nhất vị, vân hà tam thừa đạo kỳ trí hữu dị?”. Phạm Hạnh trưởng giả chép: Các pháp đồng một vị, vì sao nói đạo ba thừa trí đó có khác nhau?

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai nói về tất cả các hạnh nhập vào một Phật đạo, trước là hỏi - sau là trả lời. Đây là hỏi về sự sai khác.

Kinh: “Phật ngôn: Trưởng giả! Thí như giang hà hòai hải đại tiểu dị cố, thâm thiển thù cố, danh văn biệt cố thủy tại giang trung danh vi giang thủy, thủy tại hòai trung danh vi hòai thủy, thủy tại hà trung danh vi hà thủy, câu tại hải trung duy danh hải thủy, pháp diệc như thị câu tại chân như duy danh Phật đạo”. Đức Phật nói: Nay trưởng giả ví như sông lớn - sông nhỏ - biển nhỏ - biển lớn vì lớn nhỏ khác nhau, vì sâu cạn khác nhau, nên danh văn khác nhau, nước ở trong sông lớn gọi là nước sông lớn, nước ở trong biển nhỏ gọi là nước biển nhỏ, nước ở trong sông nhỏ gọi là nước sông nhỏ, cùng ở trong biển lớn chỉ gọi là nước biển lớn, pháp cũng như vậy cùng ở tại chân như chỉ gọi là Phật đạo.

Luận chép: Là phần thứ hai trả lời có Dự có Hợp. Trong phần đầu nói Giang hà hòa: Là dụ cho hạnh ba thừa, Hải dụ cho Phật đạo. Lớn nhỏ khác: Là dụ cho tâm ba thừa rộng hẹp không giống nhau. Sâu cạn khác: Là dụ cho trí ba thừa hơn kém có khác nhau. Tùy theo hai nghĩa trước nên tên gọi đó điều khác nhau. “Đều ở trong biển lớn chỉ gọi là nước biển lớn”: Là dụ cho ba thừa đó cùng nhập vào Chân như pháp Không của Thập Địa, chỉ gọi là Phật đạo không có tên gọi ba thừa. Nên biết rằng hạnh ba thừa sai khác, đều ở trong phương tiện đạo của Địa Tiền, không có gì không chung quy nhập vào Chân như chánh quán, cho nên ba thừa cuối cùng quy về không có sai khác. Như các giáo pháp cùng hòa nhập đồng nhất vị, nói về Hợp - Dự ở nơi vẫn có thể thấy.

Kinh: “Trưởng giả! Trụ nhất Phật đạo tức đạt tam hạnh phạm hạnh. Trưởng giả ngôn: Vân hà tam hạnh? Phật ngôn: Nhất tùy sự thủ hạnh, nhị tùy thức thủ hạnh, tam tùy như thủ hạnh”. Nay Trưởng giả! Trụ vào một Phật đạo tức là đạt được ba thật hành phạm hạnh. Trưởng giả chép: Sao là ba thật hành? Đức Phật nói: Một là hành tùy theo sự giữ lấy, hai là tùy theo Thức giữ lấy, ba là hành tùy theo Như giữ lấy hạnh.

Luận chép: Dưới đây là phần lớn thứ hai sự sai khác nhân quả, hành nhập vào, trí nhập vào sai khác về nhân quả. Trong đó có bốn: 1. Sự sai khác của Hạnh nhập vào; 2. Sự sai khác của Trí nhập vào; 3. Sự dụng của nhân nhập vào; 4. Thường trụ của quả nhập vào. Trong phần đầu có ba: 1. Nêu chung lên. Trụ ở một Phật đạo: Từ sơ Địa trở lên gọi là Trụ Phật đạo, vì có đủ ba thứ trí - đạt được ba hạnh. 2. Thừa hỏi; 3. Trả lời. Trong phần trả lời có hai: Riêng trình bày Chung giải thích. Trong phần riêng trình bày chép: Hành tùy theo sự mà giữ lấy nghĩa là thật hành dựa vào bốn đế, mười hai duyên khởi, tùy theo sự việc của nhân quả mà giữ lấy đạo phẩm. Hành tùy theo thức giữ lấy: Nghĩa là các chúng sanh chỉ là một tâm tạo tác thật hành, tùy theo lý Duy Thức mà giữ lấy bốn nhiếp. Hạnh tùy Như giữ lấy: Nghĩa là tất cả các pháp thấy đều bình đẳng thật hành tùy theo bình đẳng Như mà giữ lấy sáu độ thuộc về tâm cho nên gọi là Thủ, không phải gọi là Thủ phân biệt của năng sở.

Kinh: “Trưởng giả! Như thị tam hạnh tổng nhiếp chúng môn, nhất thiết pháp môn vô bất thủ nhập, nhập thị hạnh giả bất sanh không tướng, như thị nhập giả khả vị nhập Như-lai, nhập Như-lai giả nhập nhập bất nhập”. Nay Trưởng giả! Như vậy ba hành thấu nhiếp toàn bộ nhiều môn, tất cả pháp môn không có gì không nhập vào nơi này, nhập vào

sự thật hành này là không thể sanh khởi không tướng, như vậy nhập vào là có thể nói nhập vào Như-lai, nhập vào Như-lai là nhập vào nơi nhập vào không thể nhập vào.

Luận chép: Đây là chung giải thích về ba hành . Tùy sự hành: Là cùng chung Tiểu thừa môn. Tùy Thức hành: Là chỉ có Đại thừa môn hai thứ này là Sai khác môn. Loại thứ ba là Bình đẳng môn. Căn cứ vào đạo này thấu nhiếp toàn bộ nhiều môn. Lại, Đạo phẩm là hành môn, không an trụ ở sanh tử, Tứ nhiếp là hành môn không an trụ Niết-bàn, tùy theo Như - Độ hành bình đẳng không có hai môn. Tất cả pháp môn đều từ hành này nhập vào, người nhập vào hành này không thể sanh không tướng: Nghĩa là tùy theo Như thật hành mà thường tùy theo sự - tùy theo Thức hành, không giữ lấy tướng không mà an trụ vắng lặng vậy. Có thể nói là nhập vào Như-lai: Là tùy theo Sự - Thức mà thường tùy theo Như. Giữ lấy bình đẳng thật hành cho nên có thể nói là chủ động nhập vào (năng nhập) Biến Như-lai-tạng. Nhập nhập bất nhập: Là vì nhập vào chỗ nhập vào đó mà tâm ở tại không nhập vào (bất nhập). Năng nhập - sở nhập bình đẳng không sai khác cho nên nói là Bất nhập, vì tuy không sai khác khác nhau mà cũng không phải là một. Dựa theo quán tâm mượn gọi là Nhập tâm. Như vậy tâm nhập vào không giữ lại tướng nhập vào cho nên nhập vào nơi nhập vào đó hướng về không nhập vào (nhập - nhập bất nhập) vậy.

Kinh: “Phạm Hạnh trưởng giả ngôn: Bất khả tư nghị, nhập Như-lai-tạng như miêu thành thật vô hữu nhập xứ, bốn căn lợi lực lợi thành đắc bốn, đắc bốn thật tế kỳ trí kỳ hà?”. Phạm Hạnh trưởng giả chép: Không thể nghĩ bàn, nhập vào Như-lai-tạng giống như mầm non thành tựu quả trái, không có nơi vào, khả năng ích lợi của gốc rễ, ích lợi thành tựu đạt được nguồn gốc, đạt được nguồn gốc thật tế trí đó bao nhiêu?

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai sự sai khác của trí nhập vào, trước là hỏi - sau là trả lời. Trong phần Hỏi có hai: Trước là lĩnh ngộ điều nói trước đây, sau là hỏi những điều nghi ngờ. “Như mầm thành quả: Như tương tự mầm hạt lúc trở thành bông trái, không có người năng nhập - không có nơi sở nhập, nhập Như-lai-tạng nên biết cũng như vậy. Mầm hạt (miêu) dụ cho lợi ích vốn có (bốn lợi) - quả hạt (thật) dụ cho đạt được cái vốn có (đắc bốn), vì lúc nhập vào bình đẳng không hề có nơi chốn nhập vào.

Kinh: “Phật ngôn: Kỳ trí vô cùng, lược nhi ngôn chi kỳ trí hữu tứ, hà giả vi tứ? Nhất giả định trí sở vị tùy như, nhị giả bất định trí sở vị phương tiện tối phá, tam giả Niết-bàn trí sở vị trừ diệt giác, tứ giả rất

ráo trí sở vị nhập thật cụ túc đạo. Trưởng giả! Như thị tứ đại sự dụng, quá khứ chư Phật sở nói, thị đại kiêu lương, thị đại tân tế, nhược hóa chúng sanh ứng dụng thị trí”. Đức Phật nói: Trí đó vô cùng tận, sơ lược mà nói trí đó có bốn, những gì là bốn? Một là Định Trí đó gọi là tùy Như, hai là Bất Định Trí đó gọi là phương tiện làm cho sụp đổ, ba là Niết-bàn trí đó gọi là giác ngộ trừ bỏ như điện chớp, bốn là Rốt ráo Trí đó gọi là nhập vào thật tế có đầy đủ đạo. Nay Trưởng giả! Bốn sự dụng rộng lớn như vậy chư Phật quá khứ đã giảng nói, là chiếc cầu lớn, là bến sông lớn, nếu hóa độ chúng sanh phải sử dụng trí này.

Luận chép: Đây là phần thứ hai trả lời. Trong đó có ba: Đó là nêu chung lên - riêng giải thích và chung trình bày. Trong phần Nêu chung lên chép: Trí đó vô cùng: Là đã thấu suốt không giới hạn cho nên trí đó cũng không cùng tận, chỉ vì nghĩa loại tương đối, chung sơ lược mà nói có bốn loại mà thôi. Trong phần hiển bày nói riêng Định Trí: Là Bình đẳng tánh Trí chỉ ở chánh quán không dấy lên phương tiện cho nên gọi là Định Trí. Đối trị cái chấp về ngã và ngã sở của mặt na thức tùy theo quán bình đẳng cho nên nói là Tùy Như. Bất định trí: Là Diệu Quán Sát Trí ở tại Thức thứ sáu phương tiện tiến tới nhận lấy cho nên gọi là Bất định. Thời gian phương tiện đạo suy xét tìm cầu làm cho sụp đổ các tướng danh - sự cho nên nói là “phá cho sụp đổ”. Trí này thật tế thông suốt phương tiện chánh quán chỉ vì khác với Định Trí cho nên sơ lược nêu lên phương tiện mà thôi. Niết-bàn trí: Là Thành Sở Tác Trí thường hiện rõ tám tướng mà làm Phật sự nêu lên tướng cuối cùng gọi là Niết-bàn Trí. Trừ diệt năm Thức mà đạt được trí này vì nghĩa này cho nên gọi là “Giác ngộ trừ bỏ ánh chớp”: Nghĩa là năm Thức vừa khởi lên, cũng vừa diệt đi giống như ánh chớp điện. Rốt ráo trí: Là Đại Viên Cảnh Trí, chỉ riêng địa vị rốt ráo đạt được trí này, vì thế đối với tất cả các cảnh không có cảnh nào không cùng tận. Nhập vào một thật nghĩa cho nên gọi là Nhập Thật, không có cảnh nào không hiện rõ gọi là Cụ Túc Đạo. Trong phần chung trình bày nói bốn sự dụng lớn: Là vì dụng không có gì không hoàn bị. Lời chư Phật nói: Là vì đạo của chư Phật như nhau. “Chiếc cầu lớn”: Là vì dùng bốn trí này chuyên chở người ba thừa khiến cho đến được bờ bên kia của Nhất thừa. “Bến sông lớn”: Là bởi vì sử dụng bốn trí này trải qua khắp nơi sáu đường chỉ ra đạo lý xuất thế vượt qua sông Ái. Vì thế cho nên người giáo hóa cần phải sử dụng trí này vậy.

Kinh: “Trưởng giả! Dụng thị đại dụng, phục hữu tam đại sự, nhất giả ư tam Tam-muội nội ngoại bất tương đoạt, nhị giả ư đại nghĩa khoa

tùy đạo trạch diệt, tam giả ư như tuệ định dĩ bi câu lợi. Như thị tam sự thành tựu Bồ-đề, bất hành thị sự tức bất năng lưu nhập bỉ tứ trí hải, vi chư đại ma sở đắc kỳ tiện. Trưởng giả! Nhữ đẳng đại chúng nãi chí thành Phật thường đương tu tập vật linh tam thất!”. Nay Trưởng giả! Dụng là công dụng rộng lớn, lại có ba việc lớn. Một là đối với ba Tam-muội trong ngoài không giành giật lẫn nhau, hai là đối với nghĩa về Đại xét định thuận theo đạo chọn lựa diệt đi, ba là đối với Như tuệ định lấy Bi cùng lợi ích. Ba sự việc như vậy thành tựu Bồ-đề, không thật hành sự việc này thì không có thể trôi lăn nhập vào biển bốn trí kia, làm cho các đại ma đạt được sự thuận tiện đó. Nay Trưởng giả! Đại chúng các ông cho đến thành Phật thường nên tu tập đừng làm cho tạm thời mất đi!

Luận chép: Dưới đây là phần thứ ba nhập vào nhân của sự dụng. Trong đó có hai: Trưởng hàng và Trùng tụng. Trong phần Đầu có ba: Sơ lược trình bày, tiếp tục hiển rõ, ba là lĩnh ngộ hiểu rõ. Trong phần thứ nhất có bốn: 1. Nêu chung lên; 2. Riêng giải thích; 3. Hợp lại trình bày; 4. Kết luận khuyến khích. Trong phần nêu chung lên nói Dụng là đại dụng: Là nêu lên đại dụng của bốn trí đã nói trước đây, địa vị đang là Địa Thượng cho đến Phật quả. Lại có ba việc lớn: Là ba việc có thể thành tựu bốn trí. Đây là còn trong bốn địa vị của Địa Tiền, Thật hành ba sự việc này là: Thứ nhất Định - kể đến Tuệ, thứ ba là Định Tuệ đều thật hành Đại Bi làm Thể. Thứ nhất nói Định: Tức là ba Tam-muội. Ở đây có nhiều môn trái phải nói khác nhau, hoặc nói là Không - vô tướng - vô nguyện, hoặc nói là Vô tác - Vô tướng - Không không, hoặc nói là Không - Vô tác - vô tướng, tùy ý sắp xếp lập ra đều không có gì chướng ngại. Hoặc gọi là ba giải thoát, vì chỉ ở tại Vô lậu. Hoặc gọi là ba Tam-muội, vì cũng có cả Hữu lậu. Nghĩa riêng trong đó vẫn sau sẽ nói, nhưng nói “Nội ngoại không tương đoạt”: Là nội thức và ngoại cảnh cùng nhau ngay lúc đó phát ra, giữ lấy tướng nghịch thuận làm mất đi các gốc lành, nay thấu suốt đều là Không cho nên không khiến làm mất đi. “Đối với khoa Đại nghĩa tùy theo đó chọn lọc”: Nghĩa là đối với bốn Đại và ba pháp môn thuận theo lý mà chọn lọc, làm cho sụp đổ các tướng - điều phục diệt sạch hạt giống hý luận của bốn thức. Ba Tam-muội trước điều phục các ràng buộc hiện hành, ở đây tuệ chọn lựa, rút gọn điều phục giảm hạt giống, do vậy lúc bốn trí thành tựu thì có thể nhổ sạch hạt giống chuyển được tám Thức “Đối với như tuệ định dùng bi làm lợi”: Tuệ và định trước đây đều thuận theo Như lý, vì thế cho nên nói tên là Như Tuệ Định. Trong đó cũng tu Đại Bi tương ứng với tự lợi - lợi tha cho nên nói là đều lợi. Vì sao? Vì nếu lìa bỏ Đại Bi dứt

khóat tu định tuệ, sẽ rơi vào nơi nhị thừa ngăn cách đạo Bồ-tát. Giả sử chỉ khởi lên Bi mà không tu định tuệ, thì rơi vào tai họa của phàm phu không phải Bồ-tát đạo, cho nên tu ba sự xa lìa hai bên, tu Bồ-tát đạo thành tựu Vô thượng giác, vì thế chép: Ba sự như thế thành tựu Bồ-đề. Nếu người không cùng thật hành ba sự này, thì trụ vào sanh tử và mê đắm Niết-bàn, không có thể trôi lăn nhập vào biển lớn bốn trí, tức làm cho bốn ma đạt được cơ hội thuận tiện. Đây là hợp lại trình bày, xuống dưới chính là khuyến Tu-làm môn thứ tư.

Kinh: “Phạm Hạnh Trưởng giả ngôn: Vân hà tam Tam-muội? Phật ngôn: Tam Tam-muội giả, sở vị không Tam-muội - vô tác Tam-muội - vô tướng Tam-muội, như thị Tam-muội”. Phạm Hạnh Trưởng giả chép: Sao gọi là ba Tam-muội? Đức Phật nói: Ba Tam-muội ấy, đó gọi là không Tam-muội - vô tác Tam-muội - vô tướng Tam-muội Tam-muội như vậy.

Luận chép: Đây là phần thứ hai tiếp tục hiển bày, có hai lần hỏi và trả lời hiển rõ hai môn trước. Đây là hiển rõ môn thứ nhất, là ba sai khác sơ lược có ba nghĩa: 1. Vì Thể dụng tướng; 2. Vì tâm nhân quả; 3. Vì Thức kiến tướng. Thể dụng tướng: Là tất cả các pháp thế gian không có pháp nào vượt qua ba thứ này, pháp thế Không cho nên lập ra Không Tam-muội, không có tác dụng cho nên lập vô tác Tam-muội, không có tướng trạng cho nên lập Vô tướng Tam-muội. Tâm nhân quả: Là nhân quả vốn khởi lên hưng thịnh đối với tâm hành, tâm hành Không cho nên lập ra Không Tam-muội, các nhân không có sở hữu cho nên thiết lập Vô tác Tam-muội, các quả không thật có cho nên lập ra Vô tướng Tam-muội. Thức kiến tướng: Các Thức tự thể là Không cho nên lập ra Không Tam-muội, xả bỏ kiến phần cho nên lập ra Vô tác Tam-muội, xả bỏ tướng phần cho nên lập ra Vô tướng Tam-muội. Đây là môn thứ ba thuận theo văn “Nội ngoại chẳng đoạt lẫn nhau” ở trước.

Kinh: “Phạm Hạnh trưởng giả ngôn: Vân hà ư đại nghĩa khoa? Phật ngôn: Đại vi tứ đại, nghĩa vị ấm giới nhập đẳng, khoa vị bốn thức, thị vi ư đại nghĩa khoa”. Phạm Hạnh trưởng giả chép: Sao gọi là đối với đại nghĩa khoa? Đức Phật nói: Đại gọi là bốn Đại, Nghĩa gọi là các loại ấm - giới - nhập v.v... Khoa gọi là bốn thức, đây là đối với Đại - Nghĩa - Khoa.

Luận chép: Đây là hiển bày môn thứ hai. Sở dĩ bốn Đại mà lại biệt lập ấy là để hiển bày ban đầu tu tập trước tiên chọn thô cảnh, nghĩa là trong các pháp thì sắc pháp thô nhất, những chi thể bên trong, những núi sông bên ngoài... quán các pháp này không lìa bốn Đại, quán bốn

Đại này đều không thật có, vì có phương sở - không có phương đều không thành tựu. Như vậy chọn lọc giản lược xong. Kế là quán nhỏ nhiệm. Nghĩa là ấm - giới - nhập, vì có sơ lược - mở rộng và trung gian, sơ lược thâm nhiếp quán năm ấm, mở rộng quán mười tám giới, giữa sơ lược và mở rộng quán mười hai nhập, quán sát tất cả đều không thật có. Kế là nói những pháp... nghĩa là pháp môn còn lại như mười hai chi v.v... Như vậy giản lược chọn lựa lược quán sát, thì có thể điều phục giảm bớt hạt giống danh ngôn hý luận từ vô thủ bên trong Bốn thức, lúc bắt đầu điều phục giảm bớt cho đến dứt trừ diệt hết. Vì lẽ đó trước đây nói tùy đạo trạch diệt.

Kinh: “Phạm Hạnh trưởng giả ngôn: Bất khả tư nghị! Như thị trí sự, tự lợi tự nhân, quá ba cõi địa, bất trụ Niết-bàn, nhập Bồ-tát đạo. Như thị pháp tướng thị sanh diệt pháp dĩ phân biệt cố, nhược ly phân biệt pháp ưng bất diệt”. Phạm Hạnh trưởng giả chép: Không thể nghĩ bàn! Trí sự như vậy, lợi mình lợi người, vượt quá địa vị phàm phu, không trụ vào Niết-bàn, nhập vào Bồ-tát đạo. Pháp tướng như vậy là pháp sanh diệt vì phân biệt. Nếu lìa bỏ phân biệt thì pháp thuận theo không diệt.

Luận chép: Đây là phần thứ ba lĩnh ngộ hiểu rõ. Trong đó có hai: Đầu tiên lĩnh ngộ quán hành, sau đó hiểu rõ cảnh giới. Trí sự như vậy: Là ba thứ sự dụng như vậy có thể thành tựu bốn trí. Tự lợi lợi người: Hai sự trước là tự lợi, sự thứ ba là lợi tha. Quá ba cõi địa: Là hai định tuệ trước đây khác nhau phàm phu. Không trụ Niết-bàn: Là Đại Bi thứ ba khác nhau nhị thừa, lìa bỏ hai bên kia nhập vào Bồ-tát đạo. Từ “Như thị v.v...” trở xuống là hiểu rõ cảnh giới kia, nghĩa là sự đầu tiên tức kiến tướng các thức của cảnh định. Tiếp là pháp đại nghĩa của cảnh giới trí; pháp tướng như vậy đều là pháp sanh diệt. Vì sao? Vì do vọng phân biệt dao động biến tâm. môn yên lặng xưa nay nếu lìa bỏ phân biệt không có những nhân đó do đâu sanh diệt? Vì điều này cho nên nói “Pháp thuận theo không diệt”.

Kinh: “Nhĩ thời Như-lai dục tuyên thử nghĩa nhi nói kệ ngôn: Pháp tụng phân biệt sanh, hoàn tụng phân biệt diệt, diệt chư phân biệt pháp, thị pháp phi sanh diệt”. Lúc bấy giờ Đức Như-lai muốn nói ra nghĩa này liền nói bài kệ: Pháp từ phân biệt sanh ra, cũng từ phân diệt đi, diệt đi các pháp phân biệt, pháp này không phải sanh diệt.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai dùng kệ tụng lại. Trong đó có hai: 1. Như-lai sơ lược nói ra. 2. Trưởng giả giảng nói rộng ra. Nay trong tụng này đã nói là pháp, nghĩa là pháp của một tâm, vì nếu vọng phân biệt thì dao động biến tâm, hoặc là sanh - hoặc là diệt tất cả các

tướng chẳng có tướng nào không đều từ phân biệt mà tạo thành. Nếu căn cứ vào Bốn Giác thì môn vắng lặng xưa nay xa lìa các phân biệt cho nên là pháp chẳng phải sanh diệt. Nghĩa là từ xưa nay diệt các phân biệt, không có nhân sanh diệt, do đó chẳng phải sanh diệt. Nếu giả sử sanh và diệt đều được dấy lên từ phân biệt ấy thì trong Du-già nói.

Làm sao mà hiểu được? Như suy nghĩ kia trong Sở Thành Địa chép: “Không diệt đi Tha dụng - không tự diệt đi dụng”. Hỏi: Như các duyên có cho nên sanh, cũng các duyên có cho nên diệt đi chẳng? Đáp: Các duyên có cho nên sanh, sanh rồi tự nhiên diệt, như vậy trái ngược nhau sao nói là hòa hợp? Giải thích: Đạo lý nhân duyên như luận kia nói, đạo lý Duy thức như kinh này nói. Cho nên cả hai đều có đạo lý.

Kinh: “Nhĩ thời Phạm Hạnh trưởng giả văn nói thị kệ tâm đại hân dịch dục tuyên kỳ nghĩa nghi nói kệ ngôn: Chư pháp bốn vắng lặng, vắng lặng diệt vô sanh, thị chư sanh diệt pháp, thị pháp phi vô sanh, bỉ tức bất cộng thủ, vi hữu đoạn thường cố, thủ tức ly ư nhị, diệt bất tại nhất trụ”. Lúc ấy Phạm Hạnh trưởng giả nghe nói kệ này tâm vô cùng vui mừng muốn tuyên bày nghĩa đó bèn nói kệ: Các pháp vốn là vắng lặng, vắng lặng cũng bất sanh ra, đều là các pháp sanh diệt, pháp này chẳng phải bất sanh, kia thì không cùng với đây, là vì có đoạn thường, đây tức là xa lìa hai, cũng không trụ vào nơi một.

Luận chép: Dưới đây là Trưởng giả mở rộng bài tụng có tám hàng kệ, tức làm thành năm phần: 1. Hai tụng chính thức giảng nói nghĩa trước đó; 2. Hai tụng phá các tà giải; 3. Một tụng nói rõ bản thân chính thức chọn lấy; 4. Hai tụng lễ người chánh nói; 5. Một tụng thỉnh cầu nói điều chưa nghe. Đây chính là phần thứ nhất chính thức giảng nói kệ trước. Trong đó có ba: 1. Hai câu giảng nói nữa dưới bài kệ kia; 2. Hai câu giảng nói nữa trên bài kệ kia; 3. Một tụng chung giảng nói hai nghĩa. Phần đầu nói các pháp vốn vắng lặng: Nói là các pháp ấm - giới v.v... xưa nay vắng lặng. Vắng lặng vô sanh: Không những các pháp xưa nay vắng lặng, mà lý của vắng lặng cũng vô sanh. Trong phần thứ hai nói các pháp sanh diệt này: Là nói ấm giới cùng các pháp thế tục. Pháp này chẳng phải vô sanh: Là vì từ phân biệt tác động mà có sanh khởi, là dựa vào môn chân tục chẳng phải một để hiển bày nghĩa động tĩnh không tạp loạn. Trong phần thứ ba chép: “Kia tức không cùng đây”: Là nói pháp vắng lặng vô sanh kia không cùng nhau song song với pháp sanh diệt này. “Vì có đoạn thường”: Nếu kia cùng với đây cùng chung có thì pháp này sanh diệt tức là có bên Đoạn, pháp kia thường tịch tức là có bên Thường, giống như nhị thừa sai lầm trái với Trung đạo. Nhưng

nghĩa một bài kệ của Đức Phật đã nói không rơi vào Đoạn - Thường. “Đây chính là cả hai”: Vì chẳng thể không có động tĩnh. “Cũng không trụ ở một”: Là vì không giữ tánh của một thật - một tâm. Là cả hai ấy là đưa ra Thể động - tĩnh chẳng phải hai pháp. Nên biết là sự việc không thể nghĩ bàn.

Kinh: “Nhược nói pháp hữu nhất thị tướng như mao luân, như diêm thủy mê đảo, vị chư luống đối cố. Nhược kiến ư pháp vô, thị pháp đồng ư không, như manh vô nhật đảo, nói pháp như quy mao”. Nếu như nói pháp có một, tướng này giống như vành lông, như lửa - nước, mê mờ đảo ngược làm các luống đối. Nếu thấy đối với pháp không, là pháp giống trống rỗng, như mù không có mặt trời, nói pháp giống như lông rùa.

Luận chếp: Đây là phần thứ hai phá các tà giải. Tà giải tuy nhiều mà đại tà có hai, dựa vào giáo sâu thẳm như lời nói giữ lấy nghĩa tự cho là rất ráo khó có thể cảm hóa: 1. Nghe Phật đã nói về động - tĩnh không hai, liền cho là Một là một thật một tâm, do vậy phỉ báng xả bỏ đạo lý hai Đế. 2. Nghe Phật đã nói về hai môn Không - Hữu, suy nghĩ có hai pháp mà không có một thật, do đó phỉ báng xả bỏ Trung đạo không hai. Hai thứ tà giải này uống thuốc trở thành bệnh rất khó có thể chữa trị. Nay hiển bày sai lầm kia, trong hai tụng này lần lượt biểu hiện điều đó. Đầu tiên nói “Nếu nói pháp có một”: Nghĩa là như trước nói cho rằng có một thật, vì như tự mình suy nghĩ nói là có một pháp. Tướng này như vòng lông luân: Nghĩa là người kia vốn nghĩ rằng một thật pháp tướng, như người mắt quáng gà (ế) đã nhìn thấy vành lông. Như lửa nước mê đảo: Nghĩa là như con hươu khát nước thấy ngọn lửa nói là nước nên chạy nhanh mà tìm cầu thì dứt khát là mê mờ điên đảo; nghĩ rằng có một tâm cũng như thế. Làm các điều luống đối: Con hươu khát nước nhìn thấy nước - người mắt kém nhìn thấy vành lông; người có học nghĩ rằng một; các suy nghĩ như vậy luống đối như nhau. Kế là phá trừ thấy không có. “Nếu thấy pháp là không”: Nghĩa là như trước nói nghĩ rằng có hai Đế, vì thế không có pháp của một tâm. “Pháp ấy giống như hư không”: Người kia nghĩ rằng một tâm giống như lý không, ngoài lý không vốn không có một thật. “Như người mù ngược lại nói không có mặt trời”: Nghĩa là như sinh ra đui mù nghèo túng xin ăn vốn không hề thấy ánh sáng vằng mặt trời, người có mắt đó mới cho biết là có mặt trời, người mù nói là không có - không tin có mặt trời, dứt khát là điên đảo; suy nghĩ kia cũng như vậy, vì người kia xưa nay chỉ học về Không - Hữu mà không hề nghe đến Trung đạo không hai, vì tuy có người giải mà không thể tin nhận. Vốn dùng vằng mặt trời dụ cho Trung đạo ấy

là vầng mặt trời tròn vẹn đầy đủ có ánh sáng lớn, chỉ trừ người mù ra không có ai không nhìn thấy; một tâm cũng như vậy, tròn đầy rộng khắp không thiếu sót - có ánh sáng lớn của Bốn giác thì giác soi chiếu, trừ người không tin ra không có ai không thể nhập vào. Nói pháp như lông rùa: Người kia không thấy nói một tâm pháp chỉ có danh mà không có Thể giống như lông rùa, không khác gì người mù nói không có vầng mặt trời vậy.

Kinh: “Ngã kim văn Phật nói, tri pháp phi nhị kiến, diệc bất y trung trụ, cố tòng vô trụ thủ”. Nay con nghe Đức Phật nói, biết pháp chẳng phải hai thấy, cũng không theo Trung an trụ, thuận theo vô trụ giữ lấy.

Luận chép: Đây là phần thứ ba nói rõ bản thân chính thức giữ lấy. Biết pháp thấy chẳng có hai: Vì biết pháp Trung đạo không phải cái thấy của sự hiểu biết về có - không, tức là lia bỏ điên đảo thứ hai về không có mặt trời. Cũng không nương Trung đạo mà trụ: Tuy lia bỏ hai bên mà cũng không giữ Trung đạo một thật để an trụ. Tức là lia bỏ cái vọng thứ nhất về vành lông và nước, như vậy lia bỏ sai lầm về hai bên kia. Thuận theo sự giải thích về giáo pháp vô trụ của Đức Phật lĩnh ngộ hiểu rõ ý chỉ vô trụ đã giải thích, cho nên nói thuận theo vô trụ mà giữ lấy.

Kinh: “Như-lai sở nói pháp, tất tòng ư vô trụ, ngã tòng vô trụ xứ, thị xứ lễ Như-lai, kính lễ Như-lai tướng, đẳng không bất động trí, bất trước vô nơi chốn, kính lễ vô trụ thân”. Pháp Như-lai đã nói ra, tất cả thuận theo vô trụ, con thuận theo nơi vô trụ, nơi này đánh lễ Như-lai, cung kính lễ tướng Như-lai, trí bất động như hư không, không vướng mắc không nơi chốn, cung kính lễ thân vô trụ.

Luận chép: Đây là phần thứ tư kính lễ người năng nói. Trong đó có ba: 1. Một tụng kính lễ người năng nói; 2. Hai câu kính lễ trí năng nói; 3. Hai câu kính lễ thân năng nói. Trong phần đầu chép: Pháp của Như-lai nói giảng đều thuận theo vô trụ: Nghĩa là vì giáo pháp của Phật thuận theo vô trụ. “Con thuận theo vô trụ nơi này đánh lễ Như-lai”: Dựa vào giáo pháp đạt được từ nơi vô trụ, càng biết Như-lai là bậc đáng tôn trọng nhất, ở tại nơi này kính lễ bậc năng nói. Trong này nói vô trụ: Không trụ vào hai đế cũng không ở tại Trung tuy không ở tại Trung mà lại lia bỏ hai bên, như vậy gọi là Vô trụ xứ. Trong phần thứ hai nói Như-lai tướng: Không dùng tướng hảo làm tướng của Như-lai, dùng trí bất động làm tướng của Như-lai. Nói Đẳng Không: Nghĩa là trí của Như-lai vô lượng vô biên như cõi hư không - không nơi nào không cùng khắp.

Nói Bất Động: Thông suốt khắp tất cả không giới hạn bởi ba đời, vì đời kiếp có thời gian qua đi mà trí dụng không thể thay đổi. Trong phần thứ ba nói không vướng mắc: Vì Pháp thân lìa bỏ hai bên. Không nơi chốn: Vì ở trung gian không nơi an trụ, cho nên nói Kính lễ thân vô trụ.

Kinh: “Ngã ư nhất thiết xứ, thường kiến chư Như-lai, duy nguyện chư Như-lai, vị ngã nói thường pháp!”. Con ở tại tất cả xứ, thường thấy các Đức Như-lai, chỉ nguyện xin các Như-lai, nói cho con về Thường Pháp!

Luận chép: Đây là phần thứ năm thưa hỏi về những điều chưa nghe. Trong đó nửa trên tự nói rõ về thường đối diện, hai câu dưới cầu thỉnh nói về Thường pháp. Tự nói rõ ý là vì con lìa bỏ các bên đạt được trí vô trụ, thường trong mỗi một hạt bụi thường thấy vô lượng chư Phật ở mười phương. Mười phương thế giới trong các hạt bụi không nơi nào không thấy vô lượng chư Phật, cho nên chép: “Tất cả xứ thường thấy các Như-lai”. Như trong kinh Hoa Nghiêm chép: “Ở trong một hạt bụi, thấy hết vô lượng Phật, như trong một hạt bụi, tất cả trần cũng vậy”. Vì có lực như vậy thì có thể nghe về Thường pháp, cho nên nguyện xin nghe giảng nói về Thường pháp.

Kinh - “Nhĩ thời Như-lai nhi tác thị ngôn: Chư thiện nam tử! Nhữ đẳng đế thính, vi nhữ chúng đẳng nói ư thường pháp”. Lúc ấy Đức Như-lai liền nói lời như vậy: Nay các người thiện nam tử! Các ông lắng nghe, Ta vì những người như các ông nói về Thường pháp.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ tư chép: Hội nhập vào quả thường pháp. Trong đó có ba: 1. Như-lai giảng nói; 2. Trưởng giả giảng nói; phần thứ ba đó là đại chúng được ích lợi. Trong phần đầu có hai: Đồng ý giảng nói - Chính thức giảng nói. Đây chính là đồng ý giảng nói.

Kinh: “Thiện nam tử! Thường pháp phi Thường pháp, phi nói diệt phi tự, phi đế phi giải thoát, phi vô phi cảnh giới, ly cluống đối đoạn tế, thị pháp phi vô thường, ly chư thường đoạn kiến, liễu kiến thức vi thường, thị thức thường vắng lặng, vắng lặng diệt vắng lặng”. Nay thiện nam! Thường pháp không phải Thường Pháp, không giảng nói cũng không phải chữ, không đế không giải thoát, không phải không có - không cảnh giới, xa lìa các ranh giới vọng - đoạn, là pháp không phải vô thường, xa lìa các cái thấy thường - đoạn, rõ ràng thấy Thức là thường Thức này thường vắng lặng, vắng lặng cũng vắng lặng.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai chính thức giảng nói. Trong đó có hai: Trước là nói về quả Thường, sau là chỉ ra nhân Thường.

Trong phần đầu hai câu về pháp thường - Phật thường. Trong câu đầu nói Thường pháp không phải thường pháp: Nghĩa là Thế Pháp thân thầy của Đức Phật xa lìa tướng sanh diệt cho nên nói là Thường pháp, lìa bỏ tánh thường trụ cho nên không phải thường pháp. Không nói cũng không phải danh tự: Vì bật dứt danh ngôn năng thuyên. Không để không giải thoát: Vì vượt lên trên thật nghĩa sở thuyên. Chẳng phải không có không cảnh giới - lìa giới hạn vọng đoạn: Không phải rốt cuộc không có cũng không phải có cảnh, không phải có cảnh cho nên xa lìa cảnh vọng chấp, mà lại không phải không có cho nên xa lìa cảnh đoạn kiến. “Tế” (giới hạn) là tên gọi khác của cảnh giới. Pháp ấy chẳng vô thường - lìa các thường đoạn kiến: Không phải vô thường cho nên lìa bỏ các đoạn kiến, mà là pháp cho nên xa lìa các thường kiến, vì thường kiến giữ lấy không phải là pháp. Đã nói về pháp Thường - kế đến nói về Phật Thường. Thấy rõ thức là thường: Đối với Thường pháp kia cuối cùng rõ ràng nhìn thấy, lúc rõ ràng nhìn thấy thì các Thức là thường, Vì sao? Vì trước kia tùy theo vô minh dao động tâm vốn vắng lặng, nay thuận theo rõ ràng nhìn thấy quay về nguồn gốc vắng lặng. Thức ấy thường vắng lặng: Các Thức xưa bất sanh diệt, không có sanh diệt cho nên tánh thường vắng lặng. Nay vào lúc rõ ràng nhìn thấy thì vĩnh viễn diệt mất như vậy là Thức vắng lặng, cho nên chép: Vắng lặng cũng vắng lặng. Vì sao? Vì Thức vắng lặng kia là pháp không có thường, cho nên diệt đi cái kia mới đạt được Thường. Đến phẩm Tổng Trì dưới đây nghĩa này sẽ biểu hiện. Lại, tánh này xưa nay vắng lặng không giữ lấy Thường tánh cho nên nói cũng vắng lặng.

Kinh: “Thiện nam tử! Tri pháp vắng lặng giả, bất tâm vắng lặng, tâm Thường vắng lặng, đắc vắng lặng giả, tâm thường chân quán”. Nay người thiện nam! Người biết pháp vắng lặng, tâm không thể vắng lặng, tâm thường vắng lặng, người đạt được vắng lặng, tâm thường chân thật quán.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai chỉ ra nhân thường đó. Trong đó có hai: Riêng trình bày - Chung kết luận. Trong phần riêng cũng có hai: Trước là chân chứng quán, sau là phương tiện quán. Trong phần đầu chép: “Người biết pháp vắng lặng”: Là từ Sơ Địa trở lên biết tất cả các pháp xưa nay vắng lặng. Đã biết không có khởi lên cho nên không diệt mất tâm. Không diệt mất tâm ấy vì thường vắng lặng là biểu hiện vắng lặng của những cái biết. “Người đắc tâm vắng lặng thường chân quán”: Là trình bày tâm thường trụ của năng chứng, tùy theo lý sở chứng lìa bỏ tướng sanh diệt, mà thường không mất chân thật soi chiếu quán.

Kinh: “Tri chư danh sắc duy thị si tâm, si tâm phân biệt, phân biệt chư pháp cánh vô dị sự xuất ư danh sắc. Tri pháp như thị bất tùy văn ngữ, tâm tâm ư nghĩa bất phân biệt ngã”. Biết các danh sắc chỉ là tâm si mê, tâm si mê phân biệt, phân biệt các pháp lại không sự gì khác ngoài danh sắc. Biết pháp như vậy không tùy theo văn tự ngôn ngữ, tâm tâm đối với nghĩa không thể phân biệt Ngã.

Luận chép: Đây là phần thứ hai nói về phương tiện quán đó. Trong đó có hai: Trước trình bày chỉ là Thức tầm tư, sau hiển bày Như thật trí đó. Trong phần đầu nói tại không sự gì khác ngoài ở danh sắc: Danh nói là bốn uẩn, sắc là sắc uẩn, các bất tương ưng đều là giả kiến lập, vì: Là bỏ danh sắc này lại không có biệt Thể, các sự hữu vi đều là do danh sắc thâm nhiếp. Như vậy các pháp chỉ do tâm mà thật hiện, lìa tâm không có cảnh - lìa cảnh chẳng có tâm. Như vậy gọi là Duy Thức tầm tư. Như trong kinh Hoa Nghiêm chép: “Tâm như hoạ sĩ giỏi, hoạ các loại ngũ âm, trong tất cả thế gian, không pháp nào không làm, như tâm - Phật cũng vậy, như Phật - chúng sanh vậy, tâm - Phật và chúng sanh, là ba không sai khác”. Vì thế đã nói về tầm tư, kể là hiển bày Như thật trí. Biết pháp như thế không tùy theo văn ngữ: Là tầm tư danh này đã dẫn dắt Như thật trí. Tâm tâm đối với nghĩa không phân biệt ngã: Là tầm tư nghĩa này đã dẫn dắt Như thật trí. Hai Ngã về Người, Pháp đều không có nghĩa, cho nên ở trong đó không phân biệt.

Kinh: “Tri ngã giả danh tức đắc vắng lặng, nhược đắc vắng lặng tức đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề”. Biết Ngã là giả danh thì đạt được vắng lặng, nếu đạt được vắng lặng tức là được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

Luận chép: Đây là phần thứ hai chung kết luận. Kết luận hai thứ trước đây phương tiện trước mà đạt được chân quán, lại kết luận chân quán đạt được Bồ-đề quả.

Kinh: “Nhĩ thời trưởng giả Phạm Hạnh văn nói thị ngữ nhi nói kệ ngôn: Danh tướng phân biệt sự, cập pháp danh vi tam, chân như chánh diệu trí, cập bỉ thành ư ngữ; ngã kim tri thị pháp, đoạn thường chi sở hệ, nhập ư sanh diệt đạo, thị đoạn phi thị thường, Như-lai nói không pháp, viễn ly ư đoạn thường”. Lúc ấy Phạm Hạnh trưởng giả nghe nói lời này bèn nói kệ: Danh tướng phân biệt sự, và pháp gọi là ba, chân như chánh diệu trí, và kia trở thành năm, con nay biết pháp này, là hệ lụy đoạn - thường, nhập vào đường sanh diệt, là đoạn không là thường, Như-lai nói Không, xa lìa nơi đoạn - thường.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai Trưởng giả giảng nói nói ra.

Trong đó gồm tám tụng tức là có ba ý: Đầu tiên hai tụng rưỡi phân định ý giáo của Phật; kế đến có năm tụng phá trừ chấp trước hai bên; cuối cùng hai câu, cũng không hai quán. Trong phần đầu có hai: Trước hai tụng nói về rơi vào giáo hai bên, sau hai câu hiển bày lìa bỏ giáo hai bên. Trong phần đầu nói Danh tướng: Nghĩa là danh - cú - tự. Cú (câu) là danh tạo thành Tự là tư chất của Danh, đều là năng biểu Danh hợp lại làm Danh tướng vậy. Phân biệt sự: Nghĩa là các tâm hữu lậu - tâm pháp - sự. Nói và pháp: Nghĩa là trừ hai pháp tướng vốn có ở trước. Danh cú sở thuyên - phân biệt sở duyên: Nghĩa là sắc bất tương ưng cùng các pháp tướng trong mười sắc xứ và pháp xứ. Ba cái này là một loại nói về tướng tạp nhiễm, cho nên nói riêng danh làm ba vậy. Nói Chân như: Nghĩa là cảnh Chánh trí. Chánh diệu trí: Là hai trí lúc đầu và sau đó (bổn hậu). Nói và kia: Là cùng ba thứ trước kia; hai thứ này cùng ba thứ kia hợp lại thành ra năm sự, là đưa ra pháp tướng giáo môn của ba thừa. “Nay con biết pháp này là hệ lụy đoạn, thường: Là trình bày giáo môn kia đã nói năm sự không lìa bỏ sự mê đắm hai kiến Đoạn - Thường. Vì sao? Vì bốn loại pháp kia kèm theo tướng sanh diệt không lìa bỏ cảnh mê đắm của Đoạn kiến. Pháp chân như đó là tánh thường trụ không lìa bỏ cảnh đã giữ lấy của Thường kiến cho nên nhập vào đường sanh diệt. Là đoạn không phải là thường: Là riêng trình bày ba thứ trước và pháp chánh trí đều kèm theo bốn tướng nhập vào đường sanh diệt, dứt khót là bên Đoạn khác với bên Thường; tức là hiển bày chân như nhập vào đường Thường có, dứt khót là bên Thường khác với bên Đoạn vậy. Như-lai nói không pháp - Xa lìa ở đoạn thường: Là nói về một thừa giáo - nói về ba pháp Không - xa lìa sai lầm về hai bên Đoạn Thường. Vì sao? Vì như trước đã chép: Không tướng cũng Không, Không - Không cũng không, sở không cũng không. Như vậy ba không không làm hỏng Chân - Tục không giữ lại Chân - Tục, tuy lìa bỏ động - tĩnh mà không trụ vào trung gian, cho nên xa lìa bên Đoạn - bên Thường.

Kinh: “Nhân duyên vô bất sanh, bất sanh cố bất diệt, nhân duyên chấp vi hữu, như thái không trung hoa, do thủ thạch nữ tử, tất cánh bất khả đắc”. Nhân duyên không có bất sanh, bất sanh cho nên không diệt, nhân duyên chấp trước là có, như hái hoa giữa hư không, giống như lấy con của Thạch nữ tử, rốt cuộc không thật có.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai phá trừ chấp trước hai bên. Trong đó có hai: 1. Bốn tụng phá trừ chấp trước bên Hữu; 2. Một tụng làm mất đi mê đắm bên Không. Trong phần đầu có hai: Hai tụng rưỡi trước là phá trừ chấp Hữu đó, một tụng rưỡi sau là chỉ ra Chân Không

kia. Trong phần trước cũng có hai: Một tụng rười đầu trừ nhân duyên chấp, tiếp một tụng phá trừ ba duyên còn lại. Trong phần đầu nói Nhân duyên không có bất sanh: Nghĩa là tất cả hạt giống cùng với dị thực Thức trong bốn Thức hoặc chính là - hoặc là bỏ đều không thật có. Chính là như dị thực là bỏ giống như sừng thỏ, không chính là - không là bỏ cũng không hề vốn có, như các thứ bình lọ nhà cửa v.v... vì chỉ có danh. Do đạo lý này không có sanh - không có diệt, nhưng dựa vào ngôn giáo ba thừa mà người học nhất định chấp rằng thật sự có hạt giống nhân duyên; không khác gì người ngu muốn hái hoa giữa hư không, cũng giống như muốn lấy con của Thạch nữ (phụ nữ vô sanh), cùng với nhân duyên kia mãi mãi không thật có. Trong này hoa giữa hư không dụ cho hạt giống nhiễm, vì ngắt hái diệt đi; con của Thạch nữ là dụ cho hạt giống tịnh, vì giữ lấy nuôi dưỡng.

Kinh: “Ly chư nhân duyên thủ, diệc bất tụng tha diệt, cập ư ki nghĩa đại, y như cố đắc thật”. Là bỏ các nhân duyên thủ, cũng không từ nơi khác diệt, và nơi nghĩa Đại chính nó, theo Như cho nên được Thật.

Luận chép: Đây là phá trừ ba duyên còn lại. Nếu như có là bỏ các hạt giống nhân duyên giữ lấy ba duyên còn lại nghĩ rằng thuận theo kia sanh nên dấy lên cái chấp như vậy cũng không thích ứng với lý, vì như kinh nói “Cũng không từ nơi khác”. Hán dịch nơi khác: Nghĩa là Tăng thượng duyên và Sở duyên duyên. Như Nhân Thức sanh ra dựa vào Nhân duyên Sắc, như vậy Nhân Sắc cùng với Thức đồng một lúc mà không phải tánh của Thức cho nên gọi là nơi khác. Đẳng vô gián duyên tuy là loại như Thức mà thể đã Diệt. Hoặc là Tha - hoặc là Diệt đều không có tự tánh, vì thế cho nên Thức sanh ra cũng không từ nơi kia. Kế đến nói và ở nghĩa đại của chính nó: Lại có suy nghĩ nói rằng các pháp uẩn giới v.v... trong đời vị lai đều có Thể của chính nó mà chưa sanh hiện, thuận theo Thể của chính nó này mà sanh ra hiện tại, vì ngăn dứt suy nghĩ này cho nên nói cũng không thuận theo nghĩa đại chính nó. Câu trên nói đến Bất tụng (không thuận theo) xuyên suốt đối với câu dưới tại đây. Hán dịch Nghĩa: Gọi là ấm - giới - nhập, Đại là bốn đại. Như trước đã chép: Nghĩ rằng các pháp này vốn có tự Thể. Vì điều này cho nên nói nghĩa đại của chính nó vậy. Dựa theo Như nên được Thật: Nghĩa là mình có thể phát trừ các chấp về có ấy dựa vào Như lý phá trừ cho nên đạt được thật nghĩa.

Kinh: “Thị cố chân như pháp, thường tự tại như như, nhất thiết chư muôn pháp, bất như thức sở hóa, ly thức pháp tức không, cố tụng không xứ nói”. Cho nên pháp chân như ấy, thường tự tại như như, tất cả

các loại muôn pháp, không giống như Thức hóa hiện, lìa thức pháp liền Không, cho nên từ nơi Không mà nói.

Luận chép: Đây là phần thứ hai chỉ ra pháp chân không. Nói vì thế: Là chấp có trước đây đều là luống dối, người có thể phá trừ điều đó cho nên đạt được chân thật, chân như không dao động - vọng pháp không thành tựu vậy. Do thức hóa hiện: Nghĩa là suy nghĩ của Thức. Những suy nghĩ về tướng lý kia không hề có gì, dứt khéo thuận theo tình mà có cho nên gọi là Sở hóa. Vì các pháp không phải như sự hóa hiện của Thức, pháp xa lìa Thức thì trống rỗng không hề có gì, vì thế cho nên Ngã thuận theo nơi Không mà nói về Như.

Kinh: “Diệt chư sanh diệt pháp, nhi trụ ư Niết-bàn, đại bi chi sở đoạt, Niết-bàn diệt bất trụ”. Diệt đi các pháp sanh diệt, mà an trụ vào Niết-bàn, Đại Bi làm cho mất đi, Niết-bàn diệt mà không trụ.

Luận chép: Văn trên đã phá trừ chấp có của phàm phu, tụng này cũng làm mất đi trụ vào Không của nhị thừa. Nghĩa là người hàng nhị thừa diệt đi các pháp sanh diệt của thân - trí nhập vào nơi Niết-bàn ở trong đó trụ tám muôn kiếp cho đến mười ngàn kiếp an trụ, nhưng do chư Phật đồng Thể Đại Bi làm mất đi Niết-bàn kia khiến cho trở lại khởi tâm, lúc tâm phát khởi thì Niết-bàn liền diệt đi, như chủ buồn đứng đầu diệt đi Hóa Thành đó, vì thế cho nên ở trong đó không tiếp tục an trụ. Lúc người kia không có tâm thì không có thể phá trừ chính là, trực tiếp hiển bày chư Phật làm mất đi Niết-bàn kia, căn cứ vào đây chặn lại chí hướng của người chưa nhập vào nơi kia. Trên đây đã phá trừ hai bên có - không.

Kinh: “Chuyển sở thủ năng thủ, nhập ư Như-lai-tạng” chuyển đổi sở thủ năng thủ, hòa nhập Như-lai-tạng.

Luận chép: Đây là phần thứ ba chỉ ra không có hai quán. Vì đã phá trừ cái chấp hai bên của phàm Thánh, nay chuyển đổi hai chúng phàm Thánh kia khiến cho nhập vào quán năng sở bình đẳng. Trên đây là tám tụng trường giả giảng nói vậy.

Kinh: “Nhĩ thời đại chúng văn nói thị nghĩa, giai đắc chánh mạng nhập ư Như-lai - Như-lai-tạng hải”. Lúc bấy giờ đại chúng nghe giảng giải về nghĩa này, đều đạt được chánh mạng nhập vào nơi Như-lai - biển cả Như-lai-tạng.

Luận chép: Đây là phần thứ ba đại chúng được lợi ích. Đắc chánh mạng: Vì lìa bỏ hai bên có - không mà đạt được Trung đạo chánh tuệ mạng. Nhập Như-lai: Vì đã nhập vào phần hạng của Như-lai trí. Vào biển Như-lai-tạng: Vì hòa nhập vào nghĩa lý sâu rộng của Bản Giác.

